



guài wèi

怪味

noun · strange taste or smell

Example Sentences

Zhè píng niú nǎi yǒu guài wèi bù néng hē le
这瓶牛奶有怪味，不能喝了。

This bottle of milk has a strange smell; it can't be drunk.

Chú fáng lǐ piāo chū yī gǔ guài wèi xiàng shì shāo jiāo le shén me dōng xī
厨房里飘出一股怪味，像是烧焦了什么东西。

A strange smell drifted out of the kitchen, as if something was burnt.

Trace each character, then write the word on your own.

怪	怪	怪	怪	怪	怪	怪	怪	怪	怪	怪
味	味	味	味	味	味	味	味	味	味	味